

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20/4/2021
Về việc Hủy việc kết hôn trái pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN, TỈNH LAI CHÂU

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Dương Thị Tuyết Thanh
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Trương Văn Cần và bà Hà Thị Thơm.
- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Giang Tiên Hiệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Uyên.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Kiến Thắng - Kiểm sát viên

Ngày 20/4/2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc Hủy việc kết hôn trái pháp luật, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Tòng Thị M, sinh ngày 17/5/1996; Địa chỉ: Bản B, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: Anh Tòng Văn C, sinh ngày 09/12/1993; Địa chỉ: Bản B, xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Đại diện theo pháp luật: Ông La Văn T - Chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt tại phiên tòa có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 12 năm 2020, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Tòng Thị M trình bày:

Chị và anh Tòng Văn C về chung sống với nhau từ đầu năm 2012, đến ngày 08/4/2013 thì đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2018 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh C ghen tuông vô cớ dẫn đến thường xuyên cãi vã trong cuộc sống. Đến cuối năm 2018 chị và anh C sống ly thân, từ đó không quan tâm đến nhau. Khi kết hôn với anh C, do nhận thức pháp luật còn hạn chế, không nhớ chính xác năm sinh nên chị khai không đúng tuổi của mình, sau đó chị tìm thấy các giấy tờ cá

nhân xác định khi chị kết hôn với anh C chị chưa đủ 18 tuổi (khi kết hôn chị được 16 tuổi 10 tháng 21 ngày), chưa đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh với anh C và tại phiên tòa chị đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh C.

Ý kiến của bị đơn anh Tòng Văn C trong quá trình giải quyết vụ án: Anh và chị M kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tháng 08/4/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu. Khi đi làm thủ tục đăng ký kết hôn, chị M có mang theo sổ hộ khẩu và có viết tờ khai, cam đoan và được Ủy ban nhân dân xã T đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2018 hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và sống ly thân với nhau, tình cảm không còn. Chị M không muốn chung sống với anh và đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị M anh nhất trí.

- *Về con chung:* Chị M, anh C đều xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Tòng Long N, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Tòng Thế H, sinh ngày 20/12/2014. Sau khi ly hôn chị M có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Tòng Thế H, sinh ngày 20/12/2014 cho đến khi con chung trưởng thành và có khả năng lao động và đề nghị Tòa án giao con chung Tòng Long N, sinh ngày 15/12/2012 cho anh Tòng Văn C nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị M không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C nhất trí về việc con chung thì anh sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Tòng Long N, sinh ngày 15/12/2012. Anh cũng không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 08/4/2013 anh Tòng Văn C và chị Tòng Thị M có đến UBND xã để thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Anh C và chị M có xuất trình sổ hộ khẩu để đối chiếu với độ tuổi của bản thân, xác định độ tuổi đăng ký kết hôn và không xuất trình thêm giấy tờ khác. Sau khi kiểm tra, đối chiếu với sổ hộ khẩu do hai bên cung cấp thì anh C và chị M đều sinh ngày 01/01/1993 và đã điền thông tin vào tờ khai đăng ký kết hôn chị M sinh ngày 05/12/1993 và đã cam đoan những lời khai, thông tin khai là đúng sự thật nên Ủy ban nhân dân xã T đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị M và anh C và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35/2013 quyền số 01/2012 ngày 08/4/2013. Nay chị M có đơn đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị và anh C, Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Biên bản ghi lời khai ngày 25 tháng 12 năm 2020 của cháu Tòng Long N, sinh ngày 15/12/2012 thể hiện: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố.

Tại phiên hòa giải ngày 02/3/2021, chị Tòng Thị M và anh Tòng Văn C thỏa thuận được chị Tòng Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thế H, sinh ngày 20/12/2014 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Tòng Văn C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Long N, sinh ngày 15/12/2012 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị M và anh C đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Uyên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, chính xác trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 53; Điều 54, Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị M và anh C. Về con chung: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: chị Tòng Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thê H, sinh ngày 20/12/2014 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Tòng Văn C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Long N, sinh ngày 15/12/2012 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị M và anh C đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung do nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết và nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện ý kiến của đương sự Hội đồng xét xử có cơ sở nhận định.

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do chị Tòng Thị M cung cấp, có cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về hủy việc kết hôn trái pháp luật*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu theo quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước thời điểm mở phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc xin ly hôn và yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, Hội đồng xét xử thấy: Ngày 08/4/2013 anh Tòng Văn C và chị Tòng Thị M có đến UBND xã để thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định. Anh C và chị M có xuất trình sổ hộ khẩu để đối chiếu với độ tuổi của bản thân, xác định độ tuổi đăng ký kết hôn và không xuất trình thêm giấy tờ khác. Sau khi kiểm tra, đối chiếu với sổ hộ khẩu do hai bên cung cấp thì anh C và chị M đều sinh ngày 01/01/1993 và đã điền thông tin vào

tờ khai đăng ký kết hôn chị M sinh ngày 05/12/1993 và đã cam đoan những lời khai, thông tin khai là đúng sự thật nên Ủy ban nhân dân xã T đã thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị M và anh C và cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35/2013 quyền số 01/2012 ngày 08/4/2013. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị M cung cấp cho Tòa án như: Giấy khai sinh, giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thì thị Tòng Thị M sinh ngày 17/5/1996. Vì vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 08/4/2013 chị M mới 16 tuổi 10 tháng 21 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Quá trình chung sống giữa chị M và anh C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị M và anh C đều yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị M và anh C nên Hội đồng xét xử xét thấy cần hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị M và anh C và chị M, anh C phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình và Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. .

[3] Việc nuôi con: Chị M và anh C có 02 con chung là cháu Tòng Long N, sinh ngày 15/12/2012 và cháu Tòng Thế H, sinh ngày 20/12/2014. Anh C và chị M thỏa thuận chị Tòng Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thế H, sinh ngày 20/12/2014 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Tòng Văn C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Long N, sinh ngày 15/12/2012 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị M và anh C đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con chung Tòng Long N nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận.

[4] Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Nguyên đơn và bị đơn đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về kiến nghị: Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi vào sổ hộ tịch quyết định của Tòa án về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Tòng Thị M và anh Tòng Văn C theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Tòng Thị M phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 10; khoản 3 Điều 11; Điều 12; Điều 53; Điều 54, Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273; Điều 246

Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tòng Thị M. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Tòng Thị M và anh Tòng Văn C. Chị Tòng Thị M và anh Tòng Văn C phải chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Việc nuôi con: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị Tòng Thị M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Thế H, sinh ngày 20/12/2014 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh Tòng Văn C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tòng Long N, sinh ngày 15/12/2012 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị M và anh C đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Chị M và anh C đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tòng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, xác nhận chị đã nộp 300.0000 đồng tiền tạm ứng án theo biên lai số 0000916 ngày 04/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Uyên, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

5. Về kiến nghị: Kiến nghị Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi vào sổ hộ tịch quyết định của Tòa án về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Tòng Thị M và anh Tòng Văn C theo quy định của pháp luật.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Tân Uyên;
- Chi cục THADS huyện Tân Uyên;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Tuyết Thanh